TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1002/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Ngọc Hải**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trương Thị Kim Chọn**
2. Bà **Trần Thị Đúng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông **Phạm Văn Hậu** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 381/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 286/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Kim T**, sinh năm 1987

Địa chỉ: A10/42 ấp 1, xã B1, huyện B, TP. HCM

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh B**, sinh năm 1986

Địa chỉ: A10/42 ấp 1, xã B1, huyện B, TP. HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – bà Huỳnh Thị Kim T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông B chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2011, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã B1, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/3/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường hạnh phúc, sau vài năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông B ham mê cờ bạc. Hiện nay, bà T không còn tình cảm với ông B nữa, bà T và ông B không còn quan tâm

chăm sóc cho nhau. Nay bà T thấy mục đích hôn nhân không đạt được, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Thanh Đ, nam, sinh ngày 06/7/2014.

Hiện nay trẻ Điền đang sống chung với bà T tại địa chỉ A10/42 ấp 1, xã B1, huyện B, TP. HCM.

Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Huỳnh Thanh Đ, nam, sinh ngày 06/7/2014 đến trưởng thành; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Huỳnh Thị Kim T vắng mặt (yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Bị đơn – ông Nguyễn Thanh B trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Ông B không đồng ý ly hôn với bà Huỳnh Thị Kim T vì ông B còn thương bà T.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Thanh Đ, nam, sinh ngày 06/7/2014. Nếu ly hôn ông B đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông B không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn – ông Nguyễn Thanh B vắng mặt (yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Huỳnh Thị Kim T khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Thanh B, đây là tranh chấp về ly hôn. Ông Nguyễn Thanh B cư trú tại huyện B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim T và bị đơn ông Nguyễn Thanh B vắng mặt (yêu cầu giải quyết vắng mặt), căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Kim T và ông Nguyễn Thanh B có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2011, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã B1, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/3/2011. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Kim T và ông Nguyễn Thanh B là hợp pháp.

[4] Theo bà Huỳnh Thị Kim T xác định: Hiện nay, bà T không còn tình cảm với ông B nữa, bà và ông B không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Theo ông Nguyễn Thanh B xác định: ông B còn thương bà T.

[5] Theo Công văn số 385/UBND ngày 08/7/2020 của Ủy ban nhân dân xã B1, huyện B, TP. Hồ Chí Minh về việc trả lời xác minh tình trạng hôn nhân, có nội dung:

Qua ra soát sổ bộ Đăng ký kết hôn đang lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã B1 thể hiện thông tin: bà Huỳnh Thị Kim T, sinh năm 1987 và ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1986 đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 21/3/2011 do Ủy ban nhân dân xã B1 cấp).

Ngoài thông tin trên Ủy ban nhân dân xã chưa tiếp nhận thông tin, chưa tổ chức hòa giải mâu thuẫn về hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Kim T, sinh năm 1987 và ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1986, địa chỉ A10/42 ấp 1, xã B1, huyện B, TP. HCM.

[6] Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải giữa Bà Huỳnh Thị Kim T và ông Nguyễn Thanh B, nhưng ông B vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

[7] Căn cứ vào Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng".

[8] Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

[9] Xét thấy, bà T xác định không còn tình cảm với ông B, bà T và ông B không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau là vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho mục đích của hôn nhân không đạt được. Ông B xác định: ông B còn thương bà T, nhưng ông B không có biện pháp để hàn gắn, đoàn tụ với bà T.

[10] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim T về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh B.

[11] Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Thanh Đ, nam, sinh ngày 06/7/2014. Theo bà T trình bày: Hiện nay trẻ Điền đang sống chung với bà T tại căn nhà số A10/42 ấp 1, xã B1, huyện B, TP. HCM.

[12] Xét quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Huỳnh Thanh Đ, nam, sinh ngày 06/7/2014 đến trưởng thành; ghi nhận việc bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[13] Về tài sản chung: Bà T, ông B xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[14] Về nợ chung: Bà T, ông B xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[15] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà Huỳnh Thị Kim T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0079259 ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà Huỳnh Thị Kim T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim T về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh B.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2011, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã B1, huyện B, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 21/3/2011 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Thanh Đ, nam, sinh ngày 06/7/2014.

Giao trẻ Nguyễn Huỳnh Thanh Đ, nam, sinh ngày 06/7/2014 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được quyền cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích con chung, sau này các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà T, ông B xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Bà T, ông B có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng một vụ án khác nếu có tranh chấp.

1.4. Về nợ chung: Bà T, ông B xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà Huỳnh Thị Kim T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0079259 ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà Huỳnh Thị Kim T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu: VT-HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Hải